

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HS-ST
Ngày: 09/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Út- Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố P.

Bà Lê Thái Thị Kim Vân- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Đ, thành phố P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82a/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ R, sinh năm:1987, tại Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: lớp xóa mù chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Dương Thị L; chồng: Nguyễn Văn C1 và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN THỊ H, sinh năm: 1962, tại Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: thôn S, xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Cán bộ Hội phụ nữ xã; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ô (chết) và bà Lương Thị M(chết); chồng: Nguyễn Văn R1 và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại

phiên tòa.

3. TRẦN THỊ KIM C, sinh năm: 1959, tại Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ôn (chết) và bà Lương Thị Mạnh (chết); chồng: Trần Trường Q và 06 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN THỊ R2, sinh năm: 1971, tại Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị B (chết); chồng: Hồ Văn V (chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. PHẠM THỊ L1, sinh năm: 1984, tại Bình Định. Nơi ĐKNKTT: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H3 và bà Phạm Thị Qt; chồng: Nguyễn Văn H6 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Chị Huỳnh Thị H5, sinh năm: 1984, trú: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 2004, trú: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Người đại diện hợp pháp: Bà NGUYỄN THỊ R là mẹ ruột (đều có mặt).

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1984, trú: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

* **Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1984, trú: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- Bà Mai Thị H9, sinh năm: 1970, trú: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm: 1981, trú: thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn C1 và chị NGUYỄN THỊ R là vợ chồng và có 03 con chung, cháu lớn nhất là Nguyễn Thị Hồng Nh, cháu nhỏ sinh năm 2018. Tuy nhiên, anh C1 thường xuyên lén lút quan hệ tình cảm với chị Huỳnh Thị H5. Khi biết được mối quan hệ này, những người thân trong gia đình khuyên nhủ anh C1 và chị H5 chấm dứt quan hệ trên nhưng hai người này đều không thừa nhận có tình cảm với nhau.

Vào tối ngày 14/3/2019, anh C1 nói với gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh để tìm việc làm và có nhờ chị Nguyễn Thị H C (là em ruột) chở lên thành phố P để đón xe. Tuy nhiên, khi đến nơi, anh C1 không lấy vé xe đi thành phố Hồ Chí Minh mà bảo chị Cúc chở đến quán nhậu số 3 ở đường Q. Tr. để anh C1 ngồi chơi với bạn. Nghi ngờ anh C1 hẹn hò với chị H5 nên chị H C đã gọi điện thông báo cho chị NGUYỄN THỊ R biết, chị R gọi điện thoại nhờ bà TRẦN THỊ H (mẹ ruột anh C1), bà TRẦN THỊ KIM C (dì của anh C1), bà NGUYỄN THỊ R2 (cô của chị Hương), chị PHẠM THỊ L1 (chị dâu của anh C1), cùng lên thành phố P để bắt quả tang. Mọi người đều đồng ý. Bà Hùng, bà Chi, bà Rị, chị Lượng, chị Rơi cùng với cháu Nguyễn Thị Hồng Nh đến khu vực gần quán số 3 để theo dõi. Một lát sau, chị H5 đến quán số 3 ngồi chơi với anh C1. Khoảng 23 giờ cùng ngày, anh C1 và chị H5 rời khỏi quán để tới nhà nghỉ Th. P. thuộc khu phố X, phường M, thành phố P thuê phòng nghỉ. Nhóm bà H đi theo sau để theo dõi. Tại nhà nghỉ Th. P., anh C1 và chị H5 đã thuê phòng số 301 rồi cùng nhau lên phòng. Nhóm bà H yêu cầu quản lý nhà nghỉ gọi chị H5 xuống để nói chuyện. Lấy lý do kiểm tra chứng minh nhân dân của khách đến thuê phòng, quản lý nhà nghỉ yêu cầu anh C1 và chị H5 xuất trình chứng minh nhân dân, chị H5 xuống sảnh nhà nghỉ, mở cốp xe đưa chứng minh nhân dân cho quản lý nhà nghỉ. Vừa lúc này, chị NGUYỄN THỊ R chạy vào kéo chị H5 ra bên ngoài nhà nghỉ Th. P, bà H, bà C, bà R2 nhảy vào ôm, giữ chặt chị H5 lại không cho vùng vẫy, chị R vén váy, lột quần lót chị H5, cháu Nh dùng kéo cắt tóc chị H5, còn chị L1 đứng bên ngoài dùng điện thoại di động quay video clip nhằm mục đích làm bằng chứng tố cáo mối quan hệ tình cảm sai trái của anh C1 và chị H5. Thấy chị H5 xuống dưới sảnh đã lâu nhưng chưa lên lại phòng, anh C1 đi xuống tìm thì thấy những người thân trong gia đình mình đang giằng co với chị H5, hoảng sợ vì bị người nhà phát hiện nên anh C1 không có phản ứng gì. Một lúc sau nhóm bà Hùng bỏ đi, khi về đến nhà, chị L1 gửi đoạn video clip quay được cho chị Rơi, rồi xóa đoạn video clip trên điện thoại.

Đến trưa ngày 15/3/2019, NGUYỄN THỊ R đến nhà chị Nguyễn Thị T3 chơi. Tại đây, chị R hỏi mượn điện thoại của T3, rồi gửi clip đánh ghen từ điện thoại của mình qua điện thoại của chị T3 bằng tin nhắn Messenger. Sau đó chị R đăng đoạn video clip trên trang mạng xã hội Facebook bằng nick của chị T3 tên là “Trần Ngọc H” , rồi chị R trả điện thoại lại cho chị T3. Khoảng 1 giờ sau, chị T3 kiểm tra điện thoại phát hiện clip trên nên đã gỡ xuống.

Ngày 07/6/2019, chị Huỳnh Thị H5 đã cung cấp cho cơ quan cảnh sát điều tra 01 đĩa CD, trong đó có chứa đoạn video clip ghi lại sự việc nhóm bà Hùng đánh ghen làm nhục chị H5. Chị H5 khai đoạn video này do bà Mai Thị H9 (là chị chồng của chị H5) cung cấp. Bà H9 trình bày: đoạn video clip này do bà Đoàn Thị H7 cung cấp, sau đó bà H9 gửi cho chị H5 thông qua điện thoại di động. Ngoài ra, khoảng trưa ngày 15/3/2019, bà H9 có nhìn thấy một nick facebook có tên là “Trần Ngọc H” đã đăng đoạn video clip này trên trang facebook cá nhân, sau đó người đăng đã gỡ xuống.

Chị Nguyễn Thị T3 cho biết Nick facebook “Trần Ngọc H” do chị T3 sử dụng nhưng chị không đăng đoạn video clip trên trang facebook cá nhân. Tuy nhiên, vào trưa ngày 15/3/2019, trong lúc nói chuyện, NGUYỄN THỊ R có mượn điện thoại của chị T3 nhằm mục đích gì không rõ, nhưng sau khi R trả lại điện thoại, chị T3 kiểm tra thì phát hiện trên trang facebook cá nhân của mình có đăng clip đánh ghen nên chị T3 lập tức gỡ xuống.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, TRẦN THỊ H, TRẦN THỊ KIM C, NGUYỄN THỊ R2, PHẠM THỊ L1 và NGUYỄN THỊ R đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 79/QĐ-VKSPR ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố NGUYỄN THỊ R bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố về tội "làm nhục người khác" theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 79/QĐ-VKSPR ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo NGUYỄN THỊ R2, TRẦN THỊ H, TRẦN THỊ KIM C, PHẠM THỊ L1 về tội "làm nhục người khác" theo quy định tại khoản 1 điều 155 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị H5 trình bày: sau khi bị chị R cùng các bị cáo tấn công, chị bị gãy 01 răng và đã đi làm răng giả, chị yêu cầu các bị cáo bồi thường 7.200.000 đồng chi phí làm răng, ngoài ra chị yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tổn thất danh dự nhân phẩm 30 triệu đồng. Các bị cáo đều không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí làm răng của chị H5 do họ không làm gãy răng chị. Các bị cáo H, bị cáo R, bị cáo C không đồng ý bồi thường tổn thất danh dự nhân phẩm cho chị H5 vì họ cho rằng bản thân các bị cáo cũng bị tổn thất tinh thần từ mối quan hệ tình cảm sai trái giữa anh C1 và chị H5. Bị cáo L1 và bị cáo R2 đồng ý bồi thường tổn thất danh dự nhân phẩm cho chị H5 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo NGUYỄN THỊ R từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách về tội “làm nhục người khác” căn cứ vào điểm e khoản 2 điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54, điều 65 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo TRẦN THỊ H và bị cáo NGUYỄN THỊ R2 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “làm nhục người khác” căn cứ vào khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 36 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo TRẦN THỊ KIM C và bị cáo PHẠM THỊ L1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “làm nhục người khác” căn cứ vào khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 36 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không buộc các bị cáo bồi thường chi phí làm răng cho chị H5, và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tổn thất danh dự nhân phẩm cho chị H5 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận: khoảng 23 giờ 15 phút ngày 14/3/2019, tại nhà nghỉ Th. P, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi làm nhục người khác: bị cáo H, bị cáo C, bị cáo R2 ôm, giữ chặt chị H5 không cho vùng vẫy, bị cáo R vén váy, lột quần lót chị H5, cháu Nh dùng kéo cắt tóc chị H5, còn chị L1 đứng bên ngoài dùng điện thoại quay video clip làm bằng chứng tố cáo mối quan hệ tình cảm của anh C1 và chị H5. Sau đó bị cáo R đã dùng điện thoại di động của chị Nguyễn Thị T3 đăng video clip trên facebook

cá nhân “Trần Ngọc H” của chị T3, đoạn video clip này lan truyền trên mạng xã hội facebook trong vòng 1 giờ thì chị T3 gỡ xuống. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cáo trạng số 79/QĐ-VKSPR ngày 20/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố NGUYỄN THỊ R về tội "làm nhục người khác" theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 155 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “*sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội*”, bị cáo NGUYỄN THỊ R2, TRẦN THỊ H, TRẦN THỊ KIM C, PHẠM THỊ L1 bị truy tố về tội "làm nhục người khác" theo quy định tại khoản 1 điều 155 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo được Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[4] Bị cáo NGUYỄN THỊ R: Bức xúc trước mối quan hệ tình cảm sai trái giữa chồng mình và chị Huỳnh Thị H5, bị cáo đã cùng với Nguyễn Thị R2, TRẦN THỊ H, TRẦN THỊ KIM C, PHẠM THỊ L1 có hành vi làm nhục chị H5, bị cáo đã cố ý sử dụng mạng máy tính và mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phát tán video clip. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Chị Huỳnh Thị H5 lén lút quan hệ với anh C1 nhưng chưa đủ điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “vi phạm chế độ một vợ một chồng” quy định tại điều 182 Bộ Luật Hình sự, tuy nhiên đây được xem là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo R: Người bị hại cũng có một phần lỗi. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Mặt khác bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy ko cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị

cáo. Do hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước đối với bị cáo.

[5] Đối với các bị cáo NGUYỄN THỊ R2, bị cáo TRẦN THỊ H, bị cáo TRẦN THỊ KIM C, bị cáo PHẠM THỊ L1: Theo trình bày của bị cáo H, khi chị R mới sinh, bà đến nhà nuôi dưỡng chăm sóc. Sau đó, chị R phát hiện anh C1 có quan hệ yêu đương với chị H5, chị R suy sụp đòi tự vẫn, bị cáo H vì quá thương con dâu nên đã nói chuyện với con trai và chị H5, yêu cầu dừng quan hệ sai trái này, nhưng cả hai đều không thừa nhận, chị H5 còn có lời nói thách thức R và bị cáo. Các bị cáo xác định: từ mong muốn giúp đỡ bị cáo R ngăn cản mối quan hệ bất chính giữa anh Nguyễn Văn C1 và chị Huỳnh Thị H5, nhưng do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đã phạm tội. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C có bà nội chồng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cha chồng là liệt sỹ, mẹ chồng được Nhà nước tặng Bằng Tổ Quốc ghi công, chồng của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Bị cáo L1 có ông nội của chồng là liệt sỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương quyết thắng, bà nội chồng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nhưng chưa đến mức miễn hình phạt, nên Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra truy tố, chị Huỳnh Thị H5 không trình bày về yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường chi phí làm răng. Tại bút lục số 150, Biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2019, chị H5 khai: *“Tôi có bị bầm ở mắt, trầy xước ở một số vị trí trên cơ thể, ngoài ra tôi không có bị thương tích nào khác. Khi sự việc xảy ra, tinh thần tôi bị hoảng loạn. Nhưng nay tôi cũng đã bình tĩnh, tôi có khai gãy một răng là không đúng”*. Trong các bị cáo có bị cáo NGUYỄN THỊ R2 là cô của chị H5, bị cáo R2 khẳng định vào ngày 14/3/2019, chị H5 không bị thương tích gì, không bị gãy răng. Do không đủ căn cứ kết luận việc làm răng của chị H5 có liên quan đến vụ án, Hội đồng xét

xử không chấp nhận yêu cầu của chị H5 buộc các bị cáo bồi thường chi phí làm răng.

Đối với yêu cầu của chị Huỳnh Thị H5 buộc các bị cáo bồi thường cho chị tổn thất danh dự nhân phẩm, mức bồi thường do Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật khoảng 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào điều 592 Bộ luật Dân sự, yêu cầu này là chính đáng và phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, khi tuyên buộc các bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử phải xem xét về nguyên nhân xảy ra vụ việc, lỗi của các bên, khả năng kinh tế của các bị cáo. Bị cáo R với áp lực nuôi con nhỏ không tự lao động kiếm tiền được, trong lúc đó chồng không thông cảm chia sẻ mà còn lén lút có quan hệ yêu đương với chị H5, do suy sụp, bức xúc, thiếu hiểu biết nên đã cùng những bị cáo khác là người thân của anh C1, chị H5 phạm tội. Nguồn gốc của việc phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc anh C1 và chị H5 có quan hệ tình cảm không được pháp luật thừa nhận và trái đạo đức xã hội. Theo điều 585 Bộ luật Dân sự về nguyên tắc bồi thường dân sự, *“khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra”*. Mặt khác, sau khi xảy ra vụ việc, từ ngày 14/3/2019 đến nay anh C1 bỏ nhà đi, một mình bị cáo R phải nuôi 3 con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế của bị cáo R trở nên thực sự khó khăn, phải nương nhờ gia đình nội ngoại. Như vậy bị cáo H cũng tự nguyện chia sẻ việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu với bị cáo R. Còn bị cáo C đã 60 tuổi, suy giảm khả năng lao động. Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị H5: Các bị cáo R, H, C, R2, L1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường 2.500.000 đồng cho chị H5, chia phần mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 500.000 đồng cho người bị hại.

[5] Vật chứng của vụ án:

- 01 cây kéo sắt có tay cầm bằng nhựa màu đỏ do cháu Nh dùng để cắt tóc chị H5, sau đó cháu đưa lại cho chị R, trên đường về nhà bị cáo R đã vứt bỏ dọc đường, không xác định được vị trí. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đoạn video clip ghi lại sự việc đánh ghen ngày 14/3/2019 đang lưu giữ tại hồ sơ như là một chứng cứ trong vụ án.

- Điện thoại chị L1 dùng để quay video clip hiệu Samsung J7+ màu đen thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn H6, anh H6 không biết việc này nên cơ quan điều tra không thu giữ là có cơ sở.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng Nh khi dùng kéo cắt tóc chị H5 mới 14 tuổi 05 tháng 14 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 12 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo R, H, R2, L1 mỗi bị cáo chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Huỳnh Thị H5 phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường chi phí làm răng không được Tòa án chấp nhận: $5\% \times 7.200.000 \text{ đồng} = 360.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo NGUYỄN THỊ R, TRẦN THỊ H, NGUYỄN THỊ R2, TRẦN THỊ KIM C, PHẠM THỊ L1 phạm tội "làm nhục người khác" .

Căn cứ vào: Điểm e khoản 2 điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54, điều 36 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN THỊ R 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập sung quỹ Nhà nước cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phước Dinh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ vào: khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 34 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Cảnh cáo bị cáo TRẦN THỊ H.

Căn cứ vào: khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 34 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Cảnh cáo bị cáo TRẦN THỊ KIM C.

Căn cứ vào: khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 34 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Cảnh cáo bị cáo NGUYỄN THỊ R2.

Căn cứ vào: khoản 1 điều 155, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 34 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Cảnh cáo bị cáo PHẠM THỊ L1.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào: 584, 585, 587, 592 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị H5 buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường 7.200.000 đồng chi phí làm răng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Huỳnh Thị H5 về việc buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm.

Buộc các bị cáo NGUYỄN THỊ R, NGUYỄN THỊ R2, TRẦN THỊ H, PHẠM THỊ L1, TRẦN THỊ KIM C có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Huỳnh Thị H5 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho chị Hương.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo NGUYỄN THỊ R, NGUYỄN THỊ R2, TRẦN THỊ H, PHẠM THỊ L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo TRẦN THỊ KIM C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị Huỳnh Thị H5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 360.000 đồng.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh NT;
- VKSND tỉnh NT;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Kiều Hạnh

